

Bản án số: 11/2017/HC-PT
Ngày 01/12/2017
V/v khởi kiện Quyết định
giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Loan

Ông Trần Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2017/TLPT-HC ngày 16/10/2017 về việc khởi kiện “*Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Thùy D*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Thùy D, có mặt;

Địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND phường L, thành phố B

2. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B

Đại diện theo pháp luật ông Lê Văn L - Chủ tịch (có mặt).

Địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Ngày 04/5/2011 bà Nguyễn Thị Thùy D cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền 600.000.000đồng, để đảm bảo cho khoản vay hai bên đã lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất diện tích 77,9 m² tại phường L, thành phố B.

Ngày 06/8/2011 bà P đề nghị bán lại nhà, đất nêu trên cho bà D, thỏa thuận giá chuyển nhượng là 800.000.000đồng. Hai bên đã hủy Hợp đồng trước đó để lập Hợp đồng chuyển nhượng mới có công chứng chứng thực ngày 06/8/2011. Do bà P có giấy cam kết độc thân có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B vào ngày 04/5/2011 nên bà D tin tưởng ký hợp đồng.

Bà D đã trừ khoản vay 600.000.000 đồng và thanh toán thêm cho bà P 200.000.000đồng để sang tên trước bạ đối với diện tích 77,9 m² đồng thời ký hợp đồng cho bà P thuê nhà ở trong thời hạn 6 tháng.

Sau khi trả tiền thuê nhà được 03 tháng thì bà P không tiếp tục trả tiền thuê nhà nữa và cũng không giao nhà cho bà D.

Ngày 26/3/2012 bà D gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Ngày 20/8/2015 Tòa án nhân dân tỉnh B đã ban hành Bản án phúc thẩm số 51/2015/DS-PT, có nội dung tuyên Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà D và bà P là vô hiệu vì thời điểm chuyển nhượng bà P đã có chồng là ông Nguyễn Khắc V, tuy nhiên bà P đã lừa dối bà D để thực hiện giao dịch mua bán chuyển nhượng nhà, đất. Bản án buộc bà P hoàn trả cho bà D 600.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại Hợp đồng cho bà D 637.308.000đồng. Bà P phải trả cho bà D số tiền là 1.237.308.000đồng. Đến nay bà P mới trả cho bà D 185.558.000đồng, số tiền còn lại là 1.051.750.000đồng bà P không có khả năng trả.

Nay, bà D khiếu nại hành vi xác nhận của UBND phường L vào giấy cam kết độc thân cho bà P là sai trái đã gây thiệt hại cho bà D. Bà D khởi kiện yêu cầu Hủy quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch UBND phường L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà D về yêu cầu UBND phường L phải bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 1.051.750.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện trình bày:

Ngày 17/02/2017 UBND phường L nhận được đơn khiếu nại của bà D về việc cán bộ phường L là bà Trương Thị Lệ H ký xác nhận ngày 04/5/2011 vào giấy cam kết độc thân cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961 trong khi bà P đã kết hôn với ông Nguyễn Khắc V từ năm 1984, bà D yêu cầu UBND phường L bồi thường thiệt hại số tiền là 1.051.750.000đồng.

Quá trình xác minh vụ việc như sau: Bà Nguyễn Thị P thường trú và sinh sống ổn định tại khu phố 1 phường L, từ ngày 01/9/2005 đến ngày 04/5/2011 bà P đến UBND phường L để xin xác nhận độc thân. Sau khi đối chiếu chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và xác minh thực tế thì xác định bà P không đăng ký kết hôn với ai tại địa phương từ ngày 01/9/2005 (thời điểm thành lập phường L) đến ngày bà P xác nhận độc thân. Căn cứ điểm d, khoản 2 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: *Đối với những người đã qua nhiều nơi cư trú khác nhau (kể cả thời gian cư trú ở nước ngoài), mà Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xác nhận tình trạng hôn nhân không rõ về tình trạng hôn nhân của họ ở những nơi đó, thì yêu cầu đương sự viết bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian trước khi về cư trú tại địa phương và chịu trách nhiệm về việc cam đoan.*

Như vậy trước khi xác nhận độc thân cho bà P, UBND phường đã yêu cầu bà P phải cam đoan về tình trạng hôn nhân của bà. Sau khi bà P làm giấy cam đoan thì UBND phường mới xác nhận vào giấy cam kết độc thân cho bà P và bà P phải chịu trách nhiệm về việc cam kết của mình. Như vậy UBND phường đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, thực hiện Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND thành phố B về việc ban hành quy trình tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và dân nguyện trên địa bàn thành phố B, Chủ tịch UBND phường L đã ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy D là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu UBND phường phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.051.750 đồng cho bà D:

Nội dung yêu cầu này của bà D đã có Bản án phúc thẩm số 51/2015/DS-PT ngày 20/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh B về vụ án giữa bà Nguyễn Thị Thùy D và bà Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Bản án nhận định: ... “*xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu thuộc về bà P, bà P phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà D do hợp đồng vô hiệu theo quy định*”. Vì vậy đối tượng phải bồi thường cho bà D là bà P do bà P có hành vi gian dối về tình trạng hôn nhân của mình.

Việc bồi thường này đã được tuyên trong bản án số 51 như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền là 1.237.308.000 đồng gồm 600.000.000 đồng tiền bà P đã nhận và 637.308.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

Do xác định lỗi thuộc về bà P nên bà P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà D, UBND phường L không có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của bà D.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu hủy Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch UBND phường L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy D.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu UBND phường L bồi thường số tiền 1.051.750.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/9/2017 bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn kháng cáo đối với bản án số 04/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Tuyên hủy Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch UBND phường L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy D. Buộc UBND phường L phải liên đới với bà Nguyễn Thị P bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 1.051.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thùy D đã khởi kiện bà Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đã có Bản án phúc thẩm số 51/2015/DS-PT ngày 20/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh B buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền là

1.237.308.000 đồng gồm 600.000.000 đồng tiền bà P đã nhận và 637.308.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

Tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009 qui định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính thì bà D khởi kiện yêu cầu buộc UBND phường L bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực hộ tịch là không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, mà là do giao dịch Dân sự gây ra.

Tòa án sơ thẩm xét xử bác đơn kiện của bà D là đúng pháp luật, nhưng buộc bà D chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận một phần kháng cáo của bà D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà D không phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D nộp trong thời hạn và có hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Thùy D nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị P diện tích 77,9m² tại phường L, thành phố B và căn nhà trên đất, sau đó bà D ký hợp đồng cho bà P thuê nhà ở, nhưng bà P vi phạm thực hiện hợp đồng, bà D đã khởi kiện vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”. Tại bản án phúc thẩm số 51/2015/DS-PT ngày 20/8/2015, Tòa án nhân dân tỉnh B nhận định: “xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu thuộc về bà P, bà P phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà D do hợp đồng vô hiệu theo quy định” và quyết định: “Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà D 1.237.308.000 đồng gồm: 600.000.000 đồng tiền đã nhận của bà D và 637.308.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu”.

Như vậy căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án đã xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do bà P đã có hành vi gian dối về tình trạng hôn nhân và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà D.

[3.2] Thực hiện bản án trên bà P mới thanh toán cho bà D 185.558.000đồng, số tiền còn lại bà P không trả cho bà D, nên ngày 17/02/2017 bà D làm đơn khiếu

nại UBND phường L. Chủ tịch UBND phường L ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà D có nội dung bác đơn khiếu nại của bà D.

Xét thấy bà Nguyễn Thị P thường trú và sinh sống ổn định tại khu phố 1 phường L từ ngày 01/9/2005, đến ngày 04/5/2011 bà P đến UBND phường L để xin xác nhận độc thân. Sau khi đối chiếu chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và xác minh thực tế thì xác định bà P không đăng ký kết hôn với ai tại địa phương từ ngày 01/9/2005 (thời điểm thành lập phường L) đến ngày bà P yêu cầu xác nhận độc thân. Căn cứ điểm d, khoản 2 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: *Đối với những người đã qua nhiều nơi cư trú khác nhau (kể cả thời gian cư trú ở nước ngoài), mà Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xác nhận tình trạng hôn nhân không rõ về tình trạng hôn nhân của họ ở những nơi đó, thì yêu cầu đương sự viết bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian trước khi về cư trú tại địa phương và chịu trách nhiệm về việc cam đoan.*

Do đó UBND phường L xác nhận vào giấy cam kết độc thân ngày 14/5/2011 cho bà P là đúng quy định pháp luật.

[3.3] Căn cứ Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009 qui định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính :

Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong các trường hợp sau đây:

1. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
2. Áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính;
3. Áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc và biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác;
4. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào trường giáo dưỡng, đưa người vào cơ sở giáo dục hoặc đưa người vào cơ sở chữa bệnh;
5. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép và các giấy tờ có giá trị như giấy phép;
6. Áp dụng thuế, phí, lệ phí; thu thuế, phí, lệ phí; truy thu thuế; thu tiền sử dụng đất;
7. Áp dụng thủ tục hải quan;
8. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
9. Ban hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;
10. Cấp văn bằng bảo hộ cho người không đủ điều kiện được cấp văn bằng bảo hộ; cấp văn bằng bảo hộ cho đối tượng sở hữu công nghiệp không đủ điều kiện được cấp văn bằng bảo hộ; ra quyết định chấm dứt hiệu lực của văn bằng bảo hộ;

11. Không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép và các giấy tờ có giá trị như giấy phép, văn bằng bảo hộ cho đối tượng có đủ điều kiện;

12. Các trường hợp được bồi thường khác do pháp luật quy định.

Như vậy bà D khởi kiện yêu cầu buộc UBND phường L bồi thường thiệt hại là không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, mà là do giao dịch Dân sự gây ra và đã được Bản án phúc thẩm số 51/2015/DS-PT ngày 20/8/2015, Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết.

Do đó yêu cầu của bà D không đủ căn cứ để yêu cầu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã nhận định Tòa án sơ thẩm xét xử bác đơn kiện của bà D là đúng pháp luật, nhưng buộc bà D chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận một phần kháng cáo của bà D sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm không có giá ngạch. Bà D khởi kiện yêu cầu buộc UBND phường L bồi thường thiệt hại là không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, nên căn cứ khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Thùy D không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm có giá ngạch.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà D không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 225, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Điều d, khoản 2 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ.

Khoản 6 Điều 32, Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu hủy Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L bồi thường số tiền 1.051.750.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004614 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, bà D nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải nộp, trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008009 ngày 25/9/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tố tụng hành chính.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND TP. B;
- VKSND tp. B;
- Chi Cục THADSH TP.B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Đức Thiện